TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số 259/2022/HC-PT
Ngày 18 - 11 - 2022
V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường
Các Thẩm phán: Ông Vũ Thanh Liêm
Ông Nguyễn Tấn Trường

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đinh Thị Thanh Yên, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Ngô Ý Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 148/2022/TLPT-HC ngày 04 tháng 8 năm 2022 về *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 07/2022/HC-ST ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 162/2022/QĐPT-HC ngày 27 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị G. Địa chỉ: Khu phố 3, Phường 3, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Ông H có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Ngọc M. Địa chỉ: thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn D – Phó Chủ tịch, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Nguyễn Thị H – Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị T. Địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn xin xét xử

vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Lê Thị L. Địa chỉ: Khu phố 3, Phường 3, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C:

Bà Lê Thị L. Địa chỉ: Khu phố 2, Phường 3, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị T. Địa chỉ: Khu phố 1, Phường 3, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

Anh Nguyễn Ngọc D. Địa chỉ: Khu phố 1, Phường 3, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

Chị Nguyễn Ngọc L. Địa chỉ: Khu phố 2, Phường 3, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L, bà T, anh D, chị L: Ông Nguyễn Văn D. Địa chỉ: tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/01/2021, tại các phiên đối thoại và trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị G trình bày:

Thửa đất gia đình ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị G sử dụng tại Khu phố 3, Phường 3, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị với diện tích là 396m^2 có nguồn gốc được UBND Phường 3, thành phố Đ giao trên cơ sở "Đơn xin giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" ngày 25/12/2002.

Theo "Sơ đồ khu đất xin giao" lập ngày 25/12/2002 có xác nhận của hộ sử dụng đất liền kề là hộ ông Nguyễn Văn C thể hiện thửa đất có tứ cạnh như sau:

+ Cạnh phía Bắc giáp đường xóm dài 20m.

+ Cạnh phía Nam giáp đất hộ ông Nguyễn Văn C dài 20m.

+ Cạnh phía Đông giáp đường đi dài 15m.

+ Cạnh phía Tây giáp đất sản xuất nông nghiệp dài 14,4m.

Năm 2004, gia đình ông H xây nhà ở kiên cố. Sau khi làm nhà ở, ngày 11/3/2004 ông H bà G làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất và được UBND Phường 3 xác nhận ngày 21/4/2004.

Tại "Biên bản xét duyệt của Hội đồng đăng ký đất đai" ngày 24/3/2004 của Hội đồng đăng ký đất đai Phường 3 xác định: Hiện trạng sử dụng đất của ông H bà G đã xây dựng nhà ở; về nguồn gốc sử dụng đất được UBND Phường ký xác nhận giao từ ngày 08/01/2003.

Tại Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất do UBND Phường 3 tiến hành khảo sát xác định ranh giới thửa đất thực địa vào ngày 19/8/2004, chủ

sử dụng đất liền kề là hộ ông C tham gia chứng kiến và ký tên trong biên bản. Theo biên bản này, diện tích đất theo hiện trạng là 290,8m^2, thuộc thửa số 283 + 285, tờ bản đồ số 9. Tại thời điểm hiện tại, diện tích đất ông H bà G đang sử dụng là 396m^2.

Theo kết quả đo vẽ thể hiện trong "Sơ đồ hiện trạng thửa đất" ngày 06/9/2019 thì thửa đất của ông C bà T (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2010) có ranh giới phía Bắc không đúng với hiện trạng sử dụng, ranh giới này chồng lấn sang ngôi nhà ông H bà G xây dựng là 4,38m và 3,87m.

Mặc dù, ông H bà G chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) nhưng việc sử dụng đất là hoàn toàn hợp pháp, có đầy đủ các giấy tờ về quyền sử dụng đất thể hiện vị trí, tứ cạnh thửa đất rõ ràng. Diện tích đất thực tế của ông H bà G có lớn hơn so với trong giấy tờ là do tăng diện tích ở phía Đông và phía Tây, ranh giới phía Nam liền kề với hộ ông C, bà T không xê dịch, khi làm nhà ông C biết và không có tranh chấp, ranh giới giữa hai hộ đã được ông C ký với tư cách là hộ liền kề vào Sơ đồ xin giao đất và Biên bản xác định ranh giới, mốc giới.

Ngoài ra, theo "Danh sách công khai các trường hợp đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ" của UBND Phường 3 ngày 20/8/2009, xác định nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của hộ ông C bà L như sau: Nguồn gốc đất được UBND Phường 3 ký xác nhận năm 1991, do thất lạc giấy tờ nay làm đơn xin xác nhận lại. Thời điểm sử dụng năm 1991. Tại sơ đồ đo đạc năm 1993 được đăng ký tại tờ bản đồ số 05, thửa số 52 với diện tích 474m^2. Nhưng quá trình cấp đất cho ông C, bà T lớn hơn là không đúng, không phù hợp với các giấy tờ về quyền sử dụng đất năm 1993.

Việc Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T là trái pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất của ông H bà G. Vì vậy, ông H bà G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên Hủy toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 095079 ngày 28/9/2010 do UBND thành phố Đ cấp cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị L và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 095078 ngày 28/9/2010 do UBND thành phố Đ cấp cho bà Nguyễn Thị T.

Người bị kiện UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị trình bày:

Thửa đất của ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị L tại Khu phố 3, Phường 3, thành phố Đ có nguồn gốc được UBND Phường 3 cấp năm 1991, sử dụng ổn định từ năm 1991. Ngày 02/7/2009, ông C bà L có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất và đã được UBND Phường 3 xác nhận ngày 25/9/2009. Ngày 07/01/2010 UBND thành phố Đ đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 588143 với diện tích là 250m^2 đất ở và 250m^2 đất trồng cây hàng năm khác (phần diện tích 105m^2 còn lại không cấp do thuộc quy hoạch giao thông).

Ngày 12/8/2010, ông C bà L có Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng một phần thửa đất cho bà Nguyễn Thị T đã được Phòng công chứng tỉnh Quảng Trị chứng thực ngày 12/8/2010. Trên cơ sở đó, ngày 28/9/2010 UBND thành phố Đ

đã cấp, cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 095078 cho bà Nguyễn Thị T với diện tích 134m^2 đất ở; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 095079 cho ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị L với diện tích 366m^2, trong đó 116m^2 đất ở và 250m^2 đất trồng cây.

Việc UBND thành phố Đ cấp, cấp đổi lại các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị L cùng các con của ông C bà L và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C bà L trình bày:

Về trình tự, thủ tục cấp đất cho ông C bà L là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông C bà L tặng cho quyền sử dụng đất với diện tích 134m^2 cho bà T là đúng quy định tại Điều 105, Điều 106 và Điều 129 Luật đất đai năm 2003. Việc UBND thành phố Đ cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C, bà L với diện tích 366m^2 là đúng quy định.

Vợ chồng ông H bà G lấn chiếm đất của ông C bà L, bà T đã được xét xử tại Bản án số 11/2020/DS-PT ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã có hiệu lực pháp luật. Bản án này đã được Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng trả lời là không có căn cứ xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại phần nhận định của Bản án cũng đã xem xét về các Quyết định hành chính cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C bà L là không xâm phạm đến quyền và lợi ích của ông H bà G. Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông H bà G.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:

Năm 1991, anh trai của bà T là ông Nguyễn Văn C được UBND Phường 3, thị xã Đ (nay là UBND Phường 3, thành phố Đ) cấp cho 01 mảnh đất để làm nhà ở theo diện tách hộ với diện tích là 605m^2 theo hồ sơ kê khai địa chính năm 2002. Năm 2004, trước khi ông H chuyển đến làm nhà thì ông H có gặp ông C đặt vấn đề mượn tạm một phần đất có diện tích 30m^2 để xây nhà tạm, ông C đồng ý nhưng với điều kiện khi nào cần thì sẽ lấy lại.

Năm 2009, ông C bà L làm hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do cơn đại hồng thủy năm 1999 đã tàn phá ngôi nhà cũng như giấy tờ trước đây bị mất nên ông C phải làm đơn xin xác nhận lại nguồn gốc đất ở.

Ngày 07/01/2010 ông C bà L được UBND thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 588143. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đến tháng 8/2010 ông C bà L đã tặng cho một phần diện tích đất là 134m^2 đất ở cho bà T. Ngày 28/9/2010, bà T đã được UBND thành phố Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 095078.

Việc UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị cấp đất cho ông C và bà L, bà T là đúng trình tự, thủ tục không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của ông H bà G.

Ông H bà G lấn chiếm đất của ông C bà L, bà T đã được xét xử tại Bản án số 11/2020/DS-PT ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã có

hiệu lực pháp luật. Bản án này đã được Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng trả lời là không có căn cứ xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm. Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bác đơn khởi kiện của ông H bà G.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND Phường 3, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị không có ý kiến trình bày.

Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2022/HC-ST ngày 06/5/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32; Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 của Luật tố tụng hành chính; Điều 50 Luật đất đai 2003; Điều 36 của Nghị định 181/2004/NĐ-CP; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm , thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị G về yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 095079 ngày 28/9/2010 do UBND thành phố Đ cấp cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị L và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 095078 ngày 28/9/2010 do UBND thành phố Đ cấp cho bà Nguyễn Thị Thuý.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 11/5/2022, ông Nguyễn Văn H và bà bà Hồ Thị G có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, người khởi kiện có kháng cáo và người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND thành phố Đ đã cấp cho ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị L và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND thành phố Đ cấp cho bà Nguyễn Thị Thuý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng Toà án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị G là có căn cứ, đúng pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông H, bà G. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn H bà Hồ Thị G, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2022/HC-ST ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xem xét quan điểm của Viện kiểm sát; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện. Người kháng cáo ông Nguyễn Văn H, bà Hồ Thị G giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo,

sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

[2] Người khởi kiện kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm. Xét nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2.1] Xét về thẩm quyền trong việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 095079 ngày 28/9/2010 của UBND thành phố Đ cấp cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị L và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 095078 ngày 28/9/2010 của UBND thành phố Đ cấp cho bà Nguyễn Thị Thuý, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: UBND thành phố Đ cấp GCNQSDĐ cho ông C, bà L và bà Thuý là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật đất đai 2003.

[2.2] Xét về nội dung Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 095079 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 095078, cùng ngày 28/9/2010 do UBND thành phố Đ cấp cho ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị Thuý.

Người khởi kiện ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị G cho rằng việc UBND thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị Thuý là trái pháp luật, vì ông H bà G cho rằng có một phần diện tích đất của ông bà đã bị UBND thành phố Đ cấp cho ông C, bà L, bà Thuý.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Việc UBND thành phố Đ cấp GCNQSDĐ số BC 095078 ngày 28/9/2010 cho bà Nguyễn Thị Thuý đối với thửa đất số 511, tờ bản đồ 09, diện tích 134m^2 và cấp GCNQSDĐ số BC 095079 ngày 28/9/2010 cho ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị L đối với thửa đất số 309, tờ bản đồ số 09, diện tích 366m^2 (trong đó có 116m^2 đất ở, 250m^2 đất trồng cây hàng năm khác), cùng địa chỉ khu phố 3, phường 3, thành phố Đ.

Theo Sổ mục kê và Bản đồ địa chính năm 2002, tại thửa đất số 309, tờ bản đồ số 09, diện tích thửa đất của hộ ông C là 605m^2. UBND thành phố Đ cấp GCNQSDĐ số BC 095079 ngày 28/9/2010 cho ông Nguyễn Văn C bà Lê Thị L đối với thửa đất số 309, tờ bản đồ số 09, diện tích 366m^2, tại khu phố 3, phường 3, thành phố Đ, diện tích cấp giấy nhỏ hơn diện tích theo bản đồ địa chính năm 2002 do một phần thuộc quy hoạch với diện tích 105m^2.

Theo sơ đồ hiện trạng ranh giới khu đất được đo vào ngày 06/9/2019 thì diện tích đất ông C, bà L, bà Thuý đang sử dụng (bao gồm cả diện tích 105m^2 thuộc quy hoạch) là 392m^2 + 100m^2, diện tích đang tranh chấp 75m^2 + 26m^2. Như vậy tổng diện tích nói trên cơ bản phù hợp với diện tích đo đạc năm 2002 là 605m^2 .

Theo đơn xin giao đất và cấp GCNQSDĐ ngày 25/12/2002, Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 11/3/2004, ông H, bà G đều xác nhận diện tích đất xin giao và cấp GCNQSDĐ là 294m^2. Theo biên bản xác dịnh ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 19/8/2004 và Hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 02/9/2004 xác định diện tích đất gia đình ông H quản lý, sử dụng 290,8m^2 (thuộc thửa 283 và 285). Theo sổ mục kê năm 2002, thửa số 283 có diện tích 235m^2, thửa số 285,

có diện tích 64m^2. Tuy nhiên theo Sơ đồ hiện trạng ranh giới khu đất được đo vào ngày 06/9/2019 thì diện tích đất ông H bà G đang sử dụng bao gồm 235m^2 thuộc thửa 283, 60m^2 thuộc thửa 285 và diện tích đất tranh chấp 75m^2 + 26m^2, tổng cộng là 396m^2, nhiều hơn khoảng 100m^2 so với những giấy tờ nêu trên. Diện tích sử dụng nhiều hơn này của ông H bà G tương đương với diện tích đang tranh chấp là 75m^2 + 26m^2.

[2.3] Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2019/DS-ST ngày 14/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ và Bản án dân sự phúc thẩm số 11/2020/DS-PT ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị trong vụ án dân sự về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"* giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T với bị đơn là ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị L đã buộc ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị G phải trả lại số tiền 62.775.000 đồng *(sáu mươi hai triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)* là giá trị từ phần diện tích đất 75m^2 mà ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị G đã lấn chiếm của ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị L do đã xây dựng nhà ở kiên cố và trả lại phần đất lấn chiếm cho bà Nguyễn Thị T là 26m^2.

Tại mục [2.2] của phần Quyết định của bản án dân sự phúc thẩm số 11/2020/DS-PT ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã tuyên: "*Ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị G được quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp 75m^2 thuộc thửa đất số 309; tờ bản đồ số 09; địa chỉ: Khu phố 3, Phường 3, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn H, bà Hồ Thị G liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh phần diện tích đất trên theo Sơ đồ đo vẽ hiện trạng ranh giới thửa đất ngày 06/9/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị - Chi nhánh thành phố Đ.*

Ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị G có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần diện tích đất tại các thửa đất số 283, thửa số 285 và diện tích đất 75m^2 đã trả bằng giá trị tiền mặt cho ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị L thuộc thửa đất số 309; tờ bản đồ số 09; địa chỉ: Khu phố 3, Phường 3, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị theo Sơ đồ đo vẽ hiện trạng ranh giới thửa đất ngày 06/9/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị - Chi nhánh thành phố Đ".

Sau khi xét xử phúc thẩm thì ông H bà G có đơn đề xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm.

Ngày 14/10/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có Thông báo số 08/TB-TA thông báo về việc không có cơ sở để kháng nghị Giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 11/2020/DS-PT ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Ngày 13/12/2021, Tòa án nhân dân tối cao có Thông báo số 1002/TB-TA về việc không có căn cứ để kháng nghị theo thủ tục Giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 11/2020/DS-PT ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị. Như vậy, Bản án dân sự phúc thẩm số 11/2020/DS-PT ngày

25/6/2020 của TAND tỉnh Quảng Trị có hiệu lực thi hành.

Tại Thông báo số 1002/TB-TA ngày 13/12/2021 của Tòa án nhân dân tối cao đã nêu rõ, năm 2004 ông H và bà G có đơn xin giao đất nhưng đến nay chưa được công nhận quyền sử dụng đất. Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ thì thực tế gia đình ông H bà G lấn chiếm sang phần đất của bà T là 26m^2 và lấn sang phần đất của ông C là 75m^2. Ông H cho rằng trước đây đã đổi đất cho ông C nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh, đồng thời khi hai bên làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng không thể hiện việc đổi đất. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông H và bà G trả lại diện tích đất lấn chiếm cho bà T và trả số tiền 62.775.000 đồng là giá trị phần diện tích đất 75m^2 bị lấn chiếm cho ông C bà L là có cơ sở.

Mặt khác, việc sử dụng đất ông H và bà G khi chưa có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 50 Luật đất đai năm 2003, cũng như chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất được quy định tại Điều 37 của Luật đất đai năm 2003 nên việc UBND thành phố Đ cấp đất cho ông C bà L tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 095079 ngày 28/9/2010 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 095078 ngày 28/9/2010 cho bà Nguyễn Thị T trên cơ sở nguồn gốc đất của ông C bà L đã được đăng ký tại sơ đồ địa chính năm 2002 và Sổ mục kê năm 1993. Việc UBND thành phố Đ không xem xét thực địa trước khi cấp GCNQSDĐ cho ông C bà L tại lần cấp đầu tiên trên cơ sở nguồn gốc đất của ông C bà L đã được kê khai qua các thời kỳ không ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp của ông H bà G. Tài sản của ông H bà G xây dựng trên diện tích đất lấn chiếm của ông C bà L, bà T đã được các Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2019/DS-ST ngày 14/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ và Bản án dân sự số 11/2020/DS-PT ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử .

[3] Xem xét việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 095078 ngày 28/9/2010 do UBND thành phố Đ cấp cho bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: ngày 12/8/2010, ông C, bà L tặng cho bà Nguyễn Thị T một phần diện tích đất trong phần mà ông C, bà L đã được cấp GCNQSDĐ số BA 588143 ngày 07/01/2010. Trên cơ sở hợp đồng tặng cho, UBND thành phố Đ đã cấp GCNQSDĐ số BC 095078 ngày 28/9/2010 cho bà Nguyễn Thị T với diện tích đất 134m^2 và GCNQSDĐ số BC 095079 ngày 28/9/2010 cho ông C, bà L với diện tích đất 366m^2 là đúng trình tự, thủ tục. Về nội dung, như phân tích ở trên, tại Bản án dân sự phúc thẩm số 11/2020/DS-PT ngày 25/6/2020 của TAND tỉnh Quảng Trị buộc ông H và bà G trả lại diện tích đất đã lấn chiếm cho bà Nguyễn Thị Thuý. Như vậy, việc UBND thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Thuý là đúng quy định và không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H bà G.

[4] Về ý kiến mà người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện có kháng cáo nêu ra và cho rằng trong quá trình xét xử, Toà án không thể sử dụng văn bản trả lời do một Thẩm phán ký để khẳng định không kháng nghị và cho rằng Bản án dân sự phúc thẩm số 11/2020/DS-PT ngày 25/6/2020 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy

rằng: Mặc dù Thông báo số 08/TB-TA ngày 14/10/2020 của Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và Thông báo số 1002/TB-TA ngày 13/12/2021 của Toà án nhân dân tối cao đều do một Thẩm phán ký, trả lời không có căn cứ để kháng nghị theo thủ tục Giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 11/2020/DS-PT ngày 25/6/2020 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị, nhưng đây là văn bản của cơ quan Toà án có thẩm quyền trong việc xem xét có kháng nghị hay không đối với bản án đã có hiệu lực pháp luật theo quy định của pháp luật. Và tại phiên toà phúc thẩm, người khởi kiện có kháng cáo thừa nhận rằng cho đến nay không nhận được Quyết định kháng nghị nào đối với Bản án dân sự phúc thẩm nói trên. Như vậy, Bản án dân sự phúc thẩm số 11/2020/DS-PT ngày 25/6/2020 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị có hiệu lực pháp luật thi hành, mọi cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan phải nghiêm chỉnh chấp hành.

Từ những phân tích và lập luận trên đây, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, Toà án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu của người khởi kiện là có căn cứ và đúng pháp luật. Người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới làm thay đổi bản chất vụ án nên kháng cáo không được chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị G phải chịu án phí phúc thẩm hành chính theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính: Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị G, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32; Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 của Luật tố tụng hành chính; Điều 37, Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 136 của Nghị định 181/2004/NĐ-CP; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị G về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 095079 ngày 28/9/2010 do UBND thành phố Đ cấp cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị L và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 095078 ngày 28/9/2010 do UBND thành phố Đ cấp cho bà Nguyễn Thị T.

2. Về án phí phúc thẩm hành chính: Ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000110 ngày 25/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Cường